TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/DS-PT
Ngày: 29-4-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/3/2021, ngày 29/4/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2021/TLPT- DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2020/DS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình A, xã Bình Th, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp Bình A, xã Bình Th, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo uỷ quyền* của bà L là chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm: 1985; (Có mặt)

HKTT: Ấp Bình Qu, xã Hoà A, huyện C, tỉnh A;

Tạm trú: ấp Bình H, xã Bình Thạnh T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản uỷ quyền đề ngày 13/03/2021).

3. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình A, xã Bình T, huyện L, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V trình bày*: Bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của anh. Vào tháng 01/1995, bà L có hỏi mượn anh 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 để làm vốn mua bán lúa gạo và hứa một năm sẽ trả lại, việc anh đưa vàng cho bà L không có làm giấy tờ gì và không có thoả thuận lãi suất vì là mẹ con với nhau. Sau khi hết hạn anh có đòi nhiều lần thì bà L không chịu trả nhưng anh cũng không có khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vì nghĩ là mẹ con với nhau khi nào bà L có thì sẽ trả lại cho anh.

Sau đó bà L làm đơn khởi kiện anh ra Toà án huyện L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với anh, tại buổi hoà giải ngày 02/01/2020, Toà án tiến hành hoà giải trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thụ lý số 312/2019/TLST-DS ngày 19/7/2019 anh có trình bày việc bà L mượn vàng của anh còn thiếu 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 chưa trả và bà L cũng đã thừa nhận có mượn của anh số vàng trên, nhưng bà L cho rằng nếu anh dỡ nhà trả đất lại cho bà L thì bà L mới trả vàng lại cho anh. Sau đó, Toà án đã xử buộc anh phải trả giá trị phần đất nền nhà mà anh đang ở hiện nay. Do đó, nay anh khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho anh số vàng mà bà L đã mượn là 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999, không yêu cầu tính lãi.

- *Chị Huỳnh Thị Cẩm T là người đại diện theo uỷ quyền của bà L trình bày*: Việc anh V cho rằng vào năm 1995, anh có cho bà L vay số vàng 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 để làm vốn mua bán lúa gạo là không có. Vì anh V là con trai lớn trong gia đình, sau khi vợ chồng bà L nuôi dưỡng anh đến trưởng thành thì anh V cùng chồng của bà L là ông Nguyễn Tấn P (cha ruột của anh V, chết năm 2006) đi mua bán ở bên ngoài, còn bà L ở nhà nuôi ba mẹ chồng và con bị bệnh tâm thần. Hơn nữa, bà L là người đã mang nặng đẻ đau và nuôi dưỡng anh V từ khi sinh ra, đến năm 2000 anh V lấy vợ bà L đã không tính toán công sức đối với anh, nhưng nay anh V lại khởi kiện yêu cầu bà trả vàng là không hợp tình, hợp lý.

Đối với biên bản hoà giải ngày 02/01/2020 mà Toà án tiến hành hoà giải trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thụ lý số 312/2019/TLST-DS

ngày 19/7/2019 có nội dung bà L trình bày: "Đối với 13 chỉ vàng trên bà L có mượn của anh V nhưng nếu anh V dỡ nhà trả đất cho bà L thì bà L mới trả cho anh V". Do lúc đó, đang tranh chấp đất với anh V, muốn anh V trả lại đất nên bà L trình bày như vậy chứ thực ra bà L không trực tiếp nhận vàng từ anh V. Mà số vàng này chỉ nghe chồng của bà L là ông Nguyễn Tấn P (cha của anh V) nói lại là V có gửi cho chồng của bà L số vàng 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 nên bà L chỉ nghe vậy thôi chứ bà L không lần nào nhận vàng trực tiếp từ anh V gửi cho bà. Nay bà L không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của anh V vì bà L không có nhận vàng từ anh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2020/DS-ST ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn V.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tấn V 13 (mười ba) chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tấn V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.785.500đ theo biên lai thu số BI/2019/0009571 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2021 bà L có đơn kháng cáo không đồng ý trả 13 chỉ vàng 24Kr cho anh V, lý do bà không có mượn vàng của anh V.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, bà L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả lại số vàng mà bà đã vay mượn của anh chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu của mình anh V cung cấp cho Toà án biên bản hoà giải ngày 02/01/2020 của Toà án huyện L đã giải quyết trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thụ lý số 312/2019/TLST-DS ngày 19/7/2019 mà Toà án đã giải quyết, trong lúc hòa giải giữa hai bên có nội dung: "Anh V trình bày: Vào năm 1995, anh có cho bà L mượn 13 chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 đến nay chưa trả. Bà Nguyễn Thị L trình bày: Đối với 13 chỉ vàng trên bà L có mượn của anh V nhưng nếu anh V dở nhà trả lại đất cho bà thì bà L mới trả vàng lại cho anh V". Như vậy, ngoài phiên hòa giải trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất ra anh V không có chứng cứ nào xác định việc đưa số vàng trên cho bà L mượn. Tại phiên tòa bà L không thừa nhận có nợ số vàng trên của anh V, bà L cho rằng năm 1995 lúc đó anh V cùng chồng bà là ông P đi ghe mua bán gạo để cùng lo cho cuộc sống trong gia đình, vì giữa bà và ông P có 09 người con, anh V là con thứ hai trong gia đình, lúc đó anh V mới có 24 tuổi, nếu thực sự anh V lúc đó có vàng đi chăn nữa thì việc đưa vàng cho ông P cũng để làm vốn mua bán gạo nhằm mục đích lo cho cuộc sống gia đình vì lúc năm 1995 anh V chưa có gia đình, đến năm 2000 vợ chồng bà mới cưới vợ cho anh V, việc lo cưới vợ cho anh V là vợ chồng bà lấy tiền từ lợi nhuận mua bán gạo mà có. Ngoài việc đi mua bán gạo ra gia đình bà cũng không có làm thêm gì hết, anh V cũng không có nghề gì ngoài đi mua bán gạo với ông P, lúc đó bà ở nhà là người trực tiếp lo chăm sóc cha mẹ chồng và 02 người con bị bệnh tâm thần và lo cho các em của anh V ăn học. Việc anh V lúc đó có đưa vàng cho ông P hay không bà hoàn toàn không biết, còn việc anh V cho rằng bà khai thừa nhận có nhận 13 chỉ vàng 24Kr trong phiên hòa giải của vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là do lúc đó chị D là con bà nói chứ bà không có trình bày, nhưng Tòa án huyện L không ghi ý kiến của chị D vào biên bản hòa giải mà ghi là bà trình bày, do lớn tuổi sau khi Tòa án đọc lại biên bản bà cũng không nghe rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị D cho rằng tại thời điểm Tòa án huyện L hòa giải chị có nói nhưng là nói ở bên ngoài giữa hai bên khi Tòa án làm việc, vì lúc đó giữa mẹ chị và anh V đã xãy ra mâu thuẫn, nếu mẹ chị có nói là chỉ nói gỡ để có điều kiện anh V giao trả đất lại cho bà.

Tại phiên tòa anh V cũng không có căn cứ gì để chứng minh là tại thời điểm năm 1995 anh có tiền để mua vàng để đưa cho bà L và việc đưa vàng

không ai thấy, không ai biết, mà anh chỉ dựa vào lời khai trong biên bản hòa giải vụ án tranh chấp đất để đòi lại vàng là chưa có căn cứ.

Xét án sơ thẩm căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 02/01/2020 trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thụ lý số 312/2019/TLST-DS ngày 19/7/2019 để buộc bà L trả lại cho anh V 13 chỉ vàng là chưa phù hợp. Bởi vì, qua xét hỏi tại phiên tòa bà L cho rằng lúc đó hai bên chỉ trao đổi với nhau nhằm mục đích là cho anh V trả lại đất cho bà. Do đó, xét yêu cầu kháng cáo của bà L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu của anh V, nên anh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

2. Sửa bản án sơ thẩm số 115/2020/DSST ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn V.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Tấn V phải chịu 3.428.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (tạm tính giá vàng 24Kr vàng 9999 tại thời điểm tranh chấp là 5.275.000đ/chỉ). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.785.500đ theo biên lai thu số BI/2019/0009571 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh V còn phải nộp tiếp 1.643.250đ.

Bà L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.